

UBND PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II VÀ 6 THÁNG NĂM 2026**  
(Kèm theo Thông báo số 610 /TB-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của UBND phường Bạch Đằng)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN			DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ĐT BỔ SUNG TRONG NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II			LŨY KẾ 6 THÁNG			SO SÁNH		
		TỔNG	XDCB	TX			TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=9/1	13=10/2	14=1/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>378.270.622</b>	<b>78.106.632</b>	<b>300.163.990</b>	<b>305.225.000</b>	<b>73.045.622</b>	<b>93.147.710</b>	<b>34.857.394</b>	<b>58.290.316</b>	<b>167.268.040</b>	<b>35.605.894</b>	<b>131.662.146</b>	<b>44%</b>	<b>46%</b>	<b>44%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>	<b>78.106.632</b>	<b>78.106.632</b>		<b>34.200.000</b>	<b>43.906.632</b>	<b>34.857.394</b>	<b>34.857.394</b>		<b>35.605.894</b>	<b>35.605.894</b>		<b>46%</b>	<b>46%</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>294.178.990</b>		<b>294.178.990</b>	<b>265.040.000</b>	<b>29.138.990</b>	<b>58.290.316</b>		<b>58.290.316</b>	<b>131.662.146</b>		<b>131.662.146</b>	<b>45%</b>		<b>45%</b>
1	Chi giáo dục	157.004.482		157.004.482	141.153.000	15.851.482	32.034.336		32.034.336	74.025.543		74.025.543	47%		47%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000		390.000	390.000		149.000		149.000	149.000		149.000	38%		38%
3	Chi y tế	7.025.000		7.025.000	7.025.000		1.640.389		1.640.389	2.607.569		2.607.569	37%		37%
4	Chi văn hóa, thông tin	2.330.484		2.330.484	1.463.000	867.484	969.220		969.220	1.178.847		1.178.847	51%		51%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	470.000		470.000	470.000		-		-	-		-	0%		0%
6	Chi thể dục thể thao	525.000		525.000	525.000		83.558		83.558	158.644		158.644	30%		30%
7	Chi bảo vệ môi trường	4.484.000		4.484.000	4.484.000		-		-	-		-	0%		0%
8	Chi các hoạt động kinh tế	10.857.902		10.857.902	10.072.000	785.902	150.505		150.505	215.546		215.546	2%		2%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	43.870.722		43.870.722	33.194.000	10.676.722	10.798.216		10.798.216	26.129.299		26.129.299	60%		60%
10	Chi an ninh, quốc phòng	8.819.000		8.819.000	8.069.000	750.000	3.057.789		3.057.789	4.214.174		4.214.174	48%		48%
11	Chi cho công tác xã hội	57.083.400		57.083.400	56.876.000	207.400	9.407.304		9.407.304	22.983.524		22.983.524	40%		40%
12	Chi khác	1.319.000		1.319.000	1.319.000		-		-	-		-	0%		0%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>5.985.000</b>		<b>5.985.000</b>	<b>5.985.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>		<b>0%</b>
1	Dự phòng ngân sách	5.985.000		5.985.000	5.985.000		-		-	-		-	0%		0%